

## VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

### QUYỂN 6 (Phần Hạ)

Từ “Lúc bấy giờ cùng tử làm thuê làm mướn” trở xuống, là phần hai: dụ Cha con gặp nhau. Gần thì lãnh hội nghĩa “thấy lửa” trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa “ngũ trước” trong phẩm Phương Tiện. Có ba ý:

1. Nêu cùng tử làm thuê làm mướn, lãnh “thấy lửa cháy” trong dụ Nhà lửa và “thấy ngũ trước” trong phần Pháp thuyết.

2. Cha thấy con, lãnh “trưởng giả thấy” trong dụ Nhà lửa và “Dùng Phật nhãn thấy” trong Pháp thuyết.

3. Hoan hỷ thích ứng sở nguyện, lãnh hội nghĩa “kinh bố” trong dụ Nhà lửa và “khởi tâm Đại bi” trong Pháp thuyết.

Trong Pháp thuyết và Thí thuyết đều nêu cha trước thấy con, ở đây thì nêu con trước thấy cha. Căn cứ đức Phật tức trí tuệ linh thiêng sáng suốt, thì trước hết biết căn cơ rồi sau mới khởi ứng, cho nên nói cha trước thấy con. Nếu căn cứ chúng sinh, thì ắt trước có căn cơ sau mới ứng, cho nên nói con trước thấy cha. Cơ ứng bất khả tư nghì, không sau không trước, cho nên trước sau hỗ tương nêu ra. Dựa theo ý đó, nay để thuận tiện chỉ chia văn làm hai đoạn.

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

- Trong hai đoạn này mỗi đoạn có bốn ý.

Đoạn một: Con thấy cha, có bốn ý:

1. Nguyên do thấy cha, là do cầu y thực.

2. Nơi thấy cha, đứng cạnh cha.

3. Thấy tướng cha ngồi giường sư tử.

4. Sinh tâm lo sợ tránh, hối hận đến nơi này.

- Ý thứ nhất: Nguyên do thấy cha. Do chán khổ ưa vui, tìm cầu vị lý, tích tập dần dần, rốt cuộc thành thiện căn xuất thế, cho nên nói “làm thuê làm mướn lần hồi”. Dùng thiện căn này có thể gõ cửa từ bi của

Phật, cho nên nói “tình cờ đến nhà cha”. “Cha” dụ cho đạo hậu pháp thân, “Nhà” dụ cho vô duyên đại từ bi. Hai căn cơ Đại, Tiểu đều bám lấy nhà này, do có Đại cơ cho nên nói “xa thấy cha”, có Tiểu cơ nên nói “đứng ở cạnh cửa”. Nếu căn cơ chỉ có Tiểu mà không có Đại thì lẽ ra không thấy thân đặc tôn và cha không nên nói “tài vật của ta đầy kho tàng, nay có người để giao phó”. Nếu chỉ có Đại mà không có Tiểu, thì không nên đứng ở cạnh cửa và con không nên nói “đây chẳng phải là chỗ để ta làm thuê mượn kiếm được tiền vật”.

Nơi thấy cha tức đứng cạnh cửa. Nhị quán là phương tiện, tức hai bên cửa. Nếu căn cơ trong Viên giáo, thì chính diện cửa nhìn thẳng. Nhị thừa thiên chân, cho nên nói “cạnh cửa”. Chỉ vì Không Tam-muội thiên chân tuệ nhãn, cho nên đứng bên mà trộm nhìn pháp thân. “Xa thấy cha”, tức chánh kiến có hai thứ:

1. Gần thấy.
2. Xa thấy.

Nay nói Đại cơ bắt đầu phát, dẫn đến việc xa, cho nên nói là “xa”. Lại, căn cơ nhỏ thì chẳng nên giao phó, gọi là “xa”.

“Ngồi giường sư tử”: là Báo Pháp thân Viên giáo an trú nơi lý Không, không còn bị Thông hoặc, Biệt hoặc, tám ma... làm sợ hãi, cho nên nói “ngồi giường sư tử”. Kinh Hoa Nghiêm nói: Đệ nhất nghĩa không, tứ vô sở úy là “giường”. “Ghế báu đỡ chân”: Định tuệ làm “chân”, Thật để làm “ghế”, định tuệ vô sinh dựa cảnh chân như. “Bà-la-môn”, xưa gọi là dòng họ lớn cao quý lương thiện từ Bát địa trở lên.

“Sát-lợi”: Là từ Thất địa trở lại. “Cư sĩ” là nội phàm phu...

Xưa nói: trong kinh này nêu Pháp thân. Chẳng phải Pháp thân Bồ-tát thường trú, chính là ứng thân ở các cõi khác cũng sẽ ứng thân ở cõi này, tức là Pháp thân Bồ-tát cõi này vậy, cho nên có các người nội phàm bao quanh. Nay nói không như vậy. Nếu tác Phật phương khác, thì cha con căn cơ cảm ứng, thể dụng thoát khỏi sự chấp trước (trước thoát), đều không thành như trước nói. Lại không bao hàm Tiểu cơ, kế hợp Đại cơ cõi này, kế hợp cõi khác, cũng không nên kết Đại duyên ở nơi phương kia, kết Tiểu duyên ở nơi đây, cũng không nên kết cả hai tại đây, ứng cả hai tại kia, như vậy là đại hoặc loạn. Nay nêu Thắng ứng thân Bồ-tát tức thân đặc tôn Lô-xá-na là nơi Đại căn cơ kế hợp. Liệt ứng thân ứng với Tiểu thừa là thân một tượng sáu, mặc áo xấu là nơi Tiểu cơ kế hợp. Nay kinh nêu thường trú Đề-hồ cùng Niết-bàn đồng, Pháp thân viên đốn cùng Hoa Nghiêm đồng. Dụ trường giả oai đức đặc

tôn kẻ hầu người hạ, Sát-lợi Bà-la-môn đều cung kính bao quanh, thấy đều chỉ quyến thuộc trong Hoa Nghiêm đều không khác. Pháp tướng được thuyết như kia đã nói lại không sai khác. Bà-la-môn gọi là Tịnh hạnh, hàng quý tộc cao khiết tức là Đẳng giác Ly cấu Bồ-tát. “Sát-lợi” tức là dòng dõi vua chúa, là từ Cửu địa trở xuống Sơ địa trở lên. Cư sĩ giàu mà không tôn quý, tức tam thập tâm. Chân châu anh lạc, tức giới định tuệ, Đà-la-ni Tam-muội tứ anh lạc vậy. “Giá trị ngàn vạn” tức công đức của bốn mươi địa, dùng trang nghiêm pháp thân. “Các dân lại tôi tớ”, là khác môn mà rõ nghĩa, tức là thọ lãnh phương tiện giáo. Đoạn Thông hoặc, gọi là “dân”. Bẩm thọ Biệt giáo đoạn Thông hoặc, gọi là “lại”. Hoặc đồng môn rõ nghĩa, rốt cuộc là phương tiện Ba-la-mật. Trong đồng với thật trí, ngoài đồng với cơ duyên. Dụ như “lại dân”, có nghĩa là trong tôn phụng, ngoài sai khiến. “Tay cầm phất trần trắng”: tức là dụng quyền trí. “Tả hữu”: Hữu tức nhập dụng Không trí, phải bụi Tứ trụ. Tả tức nhập dụng Giả trí, phải bụi vô tri. Hai thứ này là phương tiện Trung đạo, cho nên nói “đứng hầu”. “Màn báu che trên”: là chân thật từ bi. “Treo hoa phan đẹp rủ xuống”: “hoa” tức Tứ nhiếp. “Phan” tức thần thông. “Nước thơm rưới đất”: Rót nước pháp thân rưới khắp đất tâm của các Bồ-tát, làm trôi đi các bụi bặm phiền não, cũng là nước định rưới tâm tán loạn. “Rải các thứ danh hoa”: là rải đầy bảy thứ hoa đẹp sạch nghĩa là: giới, định, tuệ, đoạn nghi, đạo phi đạo tịnh, tri kiến tịnh, đoạn tri tịnh. Giới: ba loại giới: nhiếp luật nghi v.v... Định: Thủ Lăng-nghiêm v.v... Tuệ: thật trí tuệ. Đoạn nghi: đã vượt qua cái nghi của nhị đế. Đạo phi đạo tịnh: hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo. Tri kiến tịnh: Trí đức viên mãn thấy rõ Phật tánh. Đoạn tri tịnh: Đoạn đức, thành tựu vĩnh tận vô minh. “Các vật báu trưng bày” là công đức chân thật khắp các địa. “Phát ra châu vào”, như trước đã giải thích... “Uy đức đặc tôn” là sắc tướng vô biên, tướng hải vô biên, lồng lộng rực rỡ. Nghĩa này phải như đức Phật Xá-na, đâu được giải thích khác ư!

Từ “Cùng tử thấy cha có thế lực mạnh” trở xuống, là ý thứ tư: thấy cha sợ tránh. “Lực thế lớn” trí đại cho nên gọi là “lực lớn”, thần thông đại cho nên gọi là “thế lớn”, như nghĩa “thân tay có sức mạnh” ở phẩm trên. “Sợ hãi”: hạng Tiểu cơ yếu kém khiếp sợ Đại đạo. “Hối hận vì đã đến đây”: tức Phật vốn muốn dùng Đại pháp, dự định là thích ứng, nhưng không xứng cơ, chỉ có ý thoái đại, cho nên nói “hối hận vì đã đến đây”. “Thầm nghĩ rằng”: trong cơ duyên tiềm ẩn ngầm có việc này, chẳng phải hiển bày đối diện thấy Thắng ứng thân. “Hoặc là vua hoặc là đồng vua”: Ma Ba-tuần là “vua”, bọn ma lính là “đồng”, nên nói là

“đồng vua”. Căn cơ Tiểu thừa đã đoạn dứt, mà đạo vô ngôn thuyết thì tuyệt sắc tượng, đã thấy tượng Thắng ứng thân chẳng phải thiên nhân sánh kịp, pháp được thuyết thì tướng khác xa nhị thừa, hàng tiểu trí đức mỏng chưa từng thấy nghe, liền cho đó là “ma”, là “do ma thuyết”. Lược khai tam hiển nhất, Thân-tử hồ nghi “E chẳng phải là ma giả Phật để náo loạn tâm ta”? Nếu ban đầu dùng Đại để hấp dẫn Tiểu, thì nghi Phật là ma, còn quá hơn ngày nay.

Lại nữa, Thắng ứng thân dụ cho trưởng giả. Trưởng giả tức tiêu biểu báo thân Phật, cho nên là “đồng vua”. Pháp thân là báo Sư. Sư tức như “vua”, trong các kinh phần nhiều gọi là vua kinh. Trí kế hợp với pháp, tức là trí và pháp đồng, cho nên gọi báo Phật là “đồng”. Đây chính là Đại thừa pháp báo, chẳng phải chỗ Tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói “hoặc là vua hoặc là đồng vua” vậy.

“Chẳng phải là chỗ mà sức mình làm thuê làm mướn có thể kiếm được tiền vật”: Tiểu cơ không thể thọ Đại hóa. “Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo, có chỗ cho ta ra sức làm để dễ kiếm áo cơm”: Kinh Tịnh Danh nói: “Có thể nhờ nghèo nàn mà tu đắc pháp”, là nói hạng thấp kém này vậy. Nhưng lý Không không phù hợp vạn đức, chẳng phải Như Lai tặng, cho nên nói “xóm nghèo”. Vì thiên Không thì xứng với tiểu trí, cho nên nói “có chỗ cho ta ra sức làm”. “Dễ kiếm áo cơm”(Y thực dị đắc): năng đắc hữu dư Niết-bàn, vô lậu y thực, hành hạnh là “y”, tuệ hạnh là “thực”. “Nếu như ta đứng lâu ở đây, nhờ họ bức bách ép sai ta làm”: hành đạo Đại thừa trải qua vô lượng kiếp cho nên nói “đứng lâu”. Ta vốn nhàm chán sợ sinh tử, nếu tu Đại thừa thì phải vào sinh tử, rộng học vạn hạnh, cho nên nói “bức bách”. Ta vốn ưa Tiểu thừa mà nay khiến ta phát tâm Bồ-đề Đại thừa, là “ép sai ta làm”. Xả bỏ Đại chấp Tiểu, cho nên nói “chạy mau”.

- Đoạn hai: từ “Lúc bấy giờ Trưởng giả” trở xuống, là dụ “Cha thấy con” cũng có bốn ý:

1. Nơi cha thấy con.
2. Thấy con liền biết.
3. Thấy con hoan hỷ.
4. Thấy con, hợp sở nguyện của cha.

Nơi cha thấy con: tức “tòa sư tử”, Pháp thân Như Lai ở cảnh đệ nhất nghĩa Không vô úy, chiếu rõ căn cơ.

“Thấy con liền biết”: Biết là chúng sinh đã kết duyên ngày xưa

“Tâm rất hoan hỷ”: Đức Phật thường xem xét căn cơ chúng sinh.

Nay căn cơ đến xứng hợp lòng từ, cho nên “hoan hỷ”, tức là lãnh hội

nghĩa pháp thuyết mà khởi đại bi. Nhà lửa thì rất sợ hãi, kia nêu ý cứu khổ cho nên nói “sợ hãi”. Đây nêu ý ban vui, cho nên nói “hoan hỷ”.

“Liên nghĩ rằng: Cửa cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó”: thấy con thích hợp sở nguyện. Xưa thấy chúng sinh thoái Đại chấp Tiểu, đến xóm nghèo cầu lương thực để nuôi sống rất khó khăn gian nan, thường muốn ban cho tài vật, nhưng không có căn cơ nên không được. Ngày nay căn cơ đến, xứng với Đại bi tâm, cho nên nói “cửa cải kho tàng nay đã có người giao phó”. “Ta thường nhớ nghĩ”: nêu người con kia chẳng những nghèo khổ không có của nhiều, lại còn lưu chuyển trong vòng sinh tử bị các khổ bức bách, vì lòng đại bi thương xót cho nên nói “thường nhớ nghĩ”. Dù muốn cứu vớt nhưng không có cơ duyên nên không thể cứu giúp, cho nên nói: “không sao gặp được”. Nay có thể độ chúng sinh có cơ duyên cho nên nói: “nay nó bỗng tự đến”. Xứng với tâm đại bi, cho nên nói: “rất hợp điều ý muốn của ta”. “Ta dù tuổi già vẫn còn tham tiếc”: giải thích nguyên do thích hợp sở nguyện, do sự giáo hóa một đời đã xong cho nên nói “tuổi già”. Chưa thấy đại cơ, nên pháp không có người ủy thác, đời sau chúng sinh nương vào đâu mà được giải thoát? Vì những người đáng độ cho nên nói “tham tiếc”. Nay căn cơ tự đến, không còn có sự lo nghĩ này, cho nên “rất hợp ý muốn của ta”.

- Phần thứ ba: từ “Liên sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại” trở xuống, nêu dụ “Đuổi theo khuyển về”. Gần thì lãnh hội nghĩa “bỏ ghế dùng xe” trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa “thôi Đại dạy Tiểu” trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai:

1. Sai người hầu đuổi theo.

2. Sai hai người dẫn dụ. Trước đuổi theo lãnh hội nghĩa trên nói “thân tay có sức mạnh mà không dùng”, chỉ vì phẩm Phương Tiện nêu chung Giới (răn bảo) và Khuyển làm một, văn giải thích có ba: Nhà lửa khai Khuyến xuất Giới, giải thích mỗi mỗi chia làm ba, mà lược phần văn nói về buông bỏ. Trường hàng hợp Khuyến, không hợp Giới mà văn Thôi hóa lại nói rộng. Trong kệ, chỉ tụng Giới, không tụng Khuyến, lại không tụng ý Thôi hóa, đều có nêu ra và không nêu ra. Nhà lửa phần trường hàng thì Giới Khuyến giải thích mỗi mỗi có ba. Nay thì đều lãnh hội, tức “sai người hầu chạy mau qua bắt lại”, lãnh hội ý dự định thích nghi ở môn Khuyến bên trên, “cùng tử kinh ngạc” là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Khuyến. “Cưỡng dắt đem về” là lãnh hội ý trên: dự định thích nghi ở môn Giới, “cùng tử tự nghĩ vô tội” đến “ngất ngã xuống đất” là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Giới.

Từ “Người cha xa thấy vậy” trở xuống, là đều lãnh hội “thôi hóa” Khuyển, Giới. Đây là ý Phật muốn dò xét để áp dụng. Đức Phật tuy Khuyển môn dự định thích nghi không có cơ duyên, mà ý vẫn chưa thôi hóa độ. Lại dùng Giới môn dự định thích nghi, sự không thấu hoạch rồi, sau đó mới thôi hóa độ. “Sai người hầu”: ban đầu Khuyển môn dự định thích nghi. Trí là năng khiến, giáo là sở khiến. Lý nghĩa, là chánh; giáo nghĩa, là phụ. Từ khi đức Phật nêu ra Đại thừa thập nhị bộ kinh, dự định thử xem coi có thích nghi với chúng sinh hay không (Nghĩ nghi) nhưng vì không có cơ duyên nên không thọ lãnh, giáo này ví như “sữa”, cho nên nói “sai người hầu”. Lại, “người hầu” là đại thần, trợ tá... bầy tôi của vua... Tức là sai pháp thân Bồ-tát vì thuyết Đại thừa. Như trong kinh Hoa Nghiêm sai bốn vị Bồ-tát thuyết bốn mươi địa, tức “sai người hầu”. “Chạy mau qua bắt”: Đại thừa nêu nghĩa hiển lộ chánh trực, dùng đây ứng cơ mau đến Bồ-đề, cho nên trong Phẩm Phương Tiện nói xe lớn kia “phóng nhanh như gió”. Nếu coi Bồ-tát là “người hầu”, thì Bồ-tát tự có thần lực, lại được Phật gia hộ thêm cũng có thể khiến kia mau nhập Bồ-đề. “Cùng tử kinh ngạc” tức Khuyển môn không có cơ duyên. Vì hiện tại không có cơ duyên, dù xưa đã từng phát nhưng bỏ lâu không nhớ, chợt nghe Đại giáo trái tâm, cho nên “kinh”, không biết cho nên “ngạc”. “Lớn tiếng kêu oan”: Tiểu thừa coi phiền não là kẻ thù (oán), sinh tử là khổ, nếu khuyên “phiền não tức Bồ-đề” thì “lớn tiếng kêu oan uống”, nếu nghe “sinh tử tức Niết-bàn” thì “lớn tiếng kêu khổ quá”, tức không có cơ duyên, không nhận lời khuyên. “Tôi không hề xúc phạm”: tôi không dự vào cầu xin, thì ý gì mà dùng Đại thừa giáo hóa tôi? Đây là lãnh hai ý Khuyển môn, chưa lãnh ý Thôi hóa. Tiếp lại kêu lớn không đến “bắt nó càng gấp” là lãnh ý Nghĩ nghi Giới môn. Trước nêu khuyến thiện cũng là chấp nhận cho, “ta sẽ vì thuyết việc sợ hãi” tức là rất cần thiết; “cưỡng dắt đem về”, là răn bảo, dùng lời nói khổ, khiến cho chúng sinh xa điều ác. Trong đã không có căn cơ, ngoài thì bức Đại hóa là “cưỡng dắt đem về”. “Tự nghĩ mình vô tội”: là lãnh hội không nhận Giới môn. “Tội” là từ bi vậy. Chúng sinh mắc tội nên vào ngục sinh tử, Bồ-tát cũng đồng tội vào ngục. Người Nhị thừa không có đại bi, gọi là “vô tội” khiến nhập sinh tử, tức là “lại bị bắt bớ”. Không có đại phương tiện mà vào sinh tử, ắt phải vĩnh viễn mất tuệ mạng Tam thừa cho nên nói: “ắt phải chết”. Suy nghĩ những việc như vậy cho nên nói: “lại càng sợ sệt” ép dùng đại giáo hàng tiểu trí không hiểu cho nên nói “mê ngất”, tức khởi phỉ báng ắt đọa ba đường, cho nên nói: “ngã xuống đất”, cũng là mê muội chìm trong vô minh địa.

Từ “Người cha xa thấy vậy” trở xuống, là phần thứ ba: buông bỏ Khuyến, Giới môn và Thôi hóa độ Đại thừa. Đây chia làm bốn phần:

1. Tư duy Thôi hóa.
2. Giải thích Thôi hóa.
3. Chánh Thôi hóa.
4. Thôi hóa được thích nghi.

Phần một: Tư duy thôi hóa, có hai ý: a. Biết chí Đại thừa yếu. b. Biết chí Tiểu thừa mạnh. Đây là ý thứ nhất: “Cha xa thấy”: tiểu cách xa đại, cho nên gọi là “xa”, là kết duyên con, cho nên gọi là “thấy”. “Bèn nói với sứ giả”: Nếu coi Giáo là sứ giả, thì trí là gốc thuyết giáo, trí biết không có cơ duyên, trí thôi cho nên giáo cũng dừng nghỉ. Nếu coi người là sứ giả thì nói: các Bồ-tát không cần hiện thân tôn quý tuyệt diệu của các ông khiến cho hàng nhị thừa thấy. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Giữ gìn hương thơm nơi thân của các ông, không để cho các chúng sinh kia khởi mê đắm”. Phổ Hiền nhập cõi Ta-bà thì hiện thân khiến nhỏ, đều là nghĩa này. “Chớ ép đem đến”: đã không có đại cơ, e rằng tổn thương thiện căn kia cho nên nói “chớ ép”. Riêng cho rằng không cần người đó, mới tư duy thôi Khuyến môn nghĩ nghĩ. “Chớ ép đem đến” là tư duy thôi Giới môn nghĩ nghĩ. Ý thứ hai: “Lấy nước lạnh rưới trên mặt”: biết có chí Tiểu thừa, thích nghi dùng nước lý thôi đoạn để trừ nhiệt Kiến hoặc Tư hoặc. “Mặt”(Diện): chán sinh tử thì gọi là lưng (bối), hướng Niết-bàn như “mặt” (diện). “Cho tỉnh ngộ”: Khai Tiểu thừa đầu cơ thì được lìa phiền muộn, “ngộ” tứ chân đế. “Đừng nói chi với nó”: quyết định phải thôi giáo hóa Đại thừa.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là phần hai: Giải thích ý thôi hóa: chính nhằm chán khổ, ưa thích Không, thân cận hạng thấp kém không có tâm từ bi, sợ Đại pháp khó lại mặc cho hạng Tiểu chí kia ức chế bản hoài của Phật, do đó thôi hóa. Xét biết nó (cùng tử) ở chỗ hai vạn ức đức Phật đã từng phát đạo tâm, chẳng phải hoàn toàn không có đại cơ. Vả lại tạm thôi dùng pháp Đại thừa hóa độ, ý Phật chưa thôi, mà còn đợi kỳ sau. “Chẳng nói với người khác”: khi xưa trong Tiểu thừa giáo, tùy ý người khác mà nói phương tiện bảo vệ che chở, gọi là Thanh văn, không nói theo ý mình gọi nó là Bồ-tát.

“Sứ giả nói với cùng tử” trở xuống, là phần ba: chính nêu thôi hóa. “Ta nay thả người”: tức là biết Đại cơ yếu. “Đi đâu tùy ý”: tức là biết Tiểu thiện mạnh. Do hai duyên này cho nên tạm thôi giáo hóa pháp Đại thừa.

Từ “Gã cùng tử vui mừng” trở xuống, là phần bốn: Thôi hóa được



thích nghi. Không bị giáo Đại thừa bức bách, cho nên “vui mừng”. Không có tội phỉ báng Đại thừa, được miễn ba đường ác, cho nên nói “từ dưới đất”. Có Tiểu thiện sinh, cho nên nói “mà đứng dậy”.

Lại, lúc trước nghĩ nghĩ Đại pháp, mà mê muội không hiểu ví như “nằm dưới đất vô minh”. Nay đặng cơ, dùng Tiểu pháp thì tỉnh ngộ được, cho nên nói “từ dưới đất mà đứng dậy”.

Đối với lý Tứ đế, thì muốn cầu đạo pháp, cho nên nói “qua đến xóm nghèo để kiếm áo cơm”. Hoặc là ở trong Tứ kiến mà cầu đạo, cho nên nói “xóm nghèo”.

“Toan muốn dụ dẫn” trở xuống, là “ngâm sai nhị nhân” dẫn dụ. Đây chia làm hai phần:

1. Tề giáo: gần thì lãnh ý “ba xe cứu con”. Xa thì lãnh ý “ở Ba-la-nại dạy Quyền”.

2. Thủ ý: từ “Lại, vào ngày khác” trở xuống, lãnh ý “Pháp thân địa cửu chiếu phương tiện, chẳng phải tại cây Bồ-đề mới bắt đầu dùng Tiểu giáo”. Từ lâu đã xem xét chúng sinh, thấy rằng không thể dùng thân Tôn-đặc để gần gũi được, mà phải dùng áo dơ xấu mới điều khiển nổi. Lãnh hội được những điều trước đây, bây giờ giải thích.

Hỏi: Bốn đệ tử lớn vì sao mà biết được Pháp thân cửu chiếu?

Đáp: Từ việc gần mà suy ra thì biết việc xa. Nếu lúc đầu tại cây Bồ-đề biết không có cơ duyên Đại thừa, thì không cần phải từ đâu suất mà giảng thân chính tuệ thác thai, cho đến thị hiện có phiền não, có vợ sinh con, có ba mươi bốn tâm hậu thân đoạn phiền não. Cái Biết mà Phật chứng nghiệm thì thoát khỏi tướng lớn nhỏ, như biển anh lạc vi diệu. Mà lại khoác áo dơ vào thân một trượng sáu thô xấu. Thế thì biết: Pháp thân cửu chiếu (chiếu đã lâu) vậy!

- Sau đây là giải thích phần Tề giáo. Phẩm Thí Dụ văn có bốn ý:

1. Dùng phương tiện, dự định thích hợp.
2. Biết tâm lúc trước.
3. Ca ngợi ba xe.
4. Hợp với sở nguyện của con.

- Phẩm Phương Tiện cũng có bốn ý. Nay lãnh hội cũng bốn ý:

1. Từ “Toan muốn dụ dẫn” trở xuống, là lãnh ý “Dự định thích hợp (Nghĩ nghĩ)” bên trên.

2. “Khi đó nhị nhân được sai, liền đi tìm gã cùng tử, đã tìm được rồi”: lãnh ý “Biết tâm lúc trước của con, có cơ duyên” bên trên.

3. “Thuật đủ việc như trên”: lãnh ý “Ca ngợi ba xe hy hữu” bên trên.



4. Từ “Gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả” trở xuống, là lãnh ý “Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa” bên trên.

Bây giờ xét ý thứ nhất: “Toan muốn dụ dẫn” Đã thôi Đại hóa, nhưng không phải là vứt bỏ hết không dạy gì, mà muốn dùng phương tiện, cho nên nói “toan muốn”.

“Ngầm sai khiến nhị nhân”: bốn đệ tử đều đã lãnh hội tùy theo khả năng của mình, chẳng liên quan Bồ-tát, cho nên nói “nhị nhân”.

“Nhị nhân”: nếu căn cứ vào pháp, thì Nhân duyên và Tứ đế. Nếu căn cứ vào lý, thì Chân đế và Tục đế. Nếu căn cứ vào hạng người, thì Thanh văn và Duyên giác.

Ban đầu dự định dùng Đại thừa giáo hóa, nên nói “liền sai khiến người hầu”, tiêu biểu “nhất Thật đế, nhất Đại thừa giáo, nhất Bồ-tát nhân”. Nay nêu phương tiện, ẩn Thật nên gọi là “ngầm”, chỉ dạy thiên chân nên gọi là “sai khiến”.

Nếu căn cứ vào giáo, thì ẩn Đại thừa gọi là “ngầm”, chỉ dạy Tiểu thừa gọi là “sai khiến”. Nếu căn cứ vào hạng người, thì hạnh Bồ-tát ẩn bên trong, cho nên gọi là “ngầm”, bên ngoài hiện tướng Thanh văn cho nên gọi là “sai khiến”.

“Hình”: trong giáo của Nhị thừa không tu tướng hảo, chỉ nói “Khổ, Vô thường, Bất tịnh”, tức là “hình sắc tiêu tụy”. Nếu căn cứ hạng người thì các Bồ-tát ẩn Bản sắc của mình, mà biểu hiện theo Tích hình. Chẳng thuyết liễu nghĩa, không có Thập lực vô úy, cho nên nói “không có oai đức”.

“Các người nên qua xóm kia”: tức dùng Tiểu giáo, nghĩ Tiểu cơ. Đại giáo nêu lý trực Thật, cho nên nói “chạy mau qua bắt”. Tiểu giáo nêu lý ẩn quanh co, cho nên nói “từ từ nói”.

“Đây có chỗ làm”: Kiến đạo và Tu đạo là “chỗ làm” đoạn lậu hoặc.

“Trả giá gấp bội”: Ngũ giới Thập thiện chỉ thoát ba đường ác. Nay Tứ đế, Mười hai nhân duyên có thể thoát sinh tử, đây là “nhất bội”. Lại, Lục hạnh của ngoại đạo thì chỉ có thể chế phục lậu hoặc. Nay tu Tứ đế thì có thể đoạn dứt lậu hoặc được đến Niết-bàn, đây là “nhị bội”.

“Cùng tử nếu chịu”: có cơ duyên, gọi là “chịu”, tức là thiết lập giáo. Không có cơ duyên, là không chịu, không lập giáo.

“Muốn sai làm gì?” Nhị thừa chỉ muốn trừ lậu hoặc, thủ chứng, mà không bàn đến Tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, cho nên nói “thuê nhà người hốt phân”.

“Nhị nhân chúng ta cũng cùng làm với nhà người”: Nhị thừa độn

căn nhờ vào Giáo và Hạnh, thực hành rồi mới có thể tu nghiệp. Nếu căn cứ vào lý, thì là Trí để giúp nhau. Nếu căn cứ vào hạng người, thì là Quyền nhân cùng tu hành với Thật nhân.

“Khi đó nhị nhân được sai liền tìm gã cùng tử” là ý thứ hai: xét biết có cơ duyên cho nên nói: “được rồi”, lãnh ý là “biết tâm trước của con” ở Thí dụ trên.

“Thuật đầy đủ việc như trên” là ý thứ ba: thuê người cùng chung làm, lãnh ý “ca ngợi ba xe” bên trên. “Dọn” phân Khổ Tập để “lấy tiền công” Diệt Đạo.

“Cùng tử trước hỏi lấy giá tiền công, theo lời dạy mà làm công việc dọn phân” trở xuống, là ý thứ tư: lãnh “Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa” bên trên. “Tầm” là “làm”.

Hàng Nhị thừa hâm mộ quả mà hành nhân do đó nên “trước hỏi giá tiền công”. “Người cha thấy con thì thương xót mà trách nó”: “Trách nó” không cầu Phật đạo, “thương xót” nó ham chọn A-la-hán, chỗ mất thì lớn, chỗ được chỉ có chút ít, cho nên “trách”.

Phần Tề giáo, lãnh ý trong văn Pháp thuyết và Thí thuyết xong.

“Lại, vào ngày khác” trở xuống, là phần hai: Thủ ý lãnh hội phẩm trước: Linh trí trước đã chiếu soi, từ lâu đã thiết lập Quyền, mưu tính lẩn bánh xe pháp gặp ghềnh đuối theo, chẳng phải chỉ dưới gốc cây mới thấy nhân duyên. Như đã nói trên. Đây văn có bốn ý: 1. “Lại vào ngày khác”: thủ ý lãnh hội trước dùng Quyền trí từ lâu muốn Nghĩ nghĩ. 2. “Thấy con tiêu tụy”: từ lâu biết phương tiện là thứ đồ chơi mà các con ưa thích. 3. “Cởi áo tốt mặc áo xấu”: lãnh ý từ lâu biết nên tán thán ba xe. 4. “Thân gần dạy con làm”: từ lâu đã biết hợp với nguyện của con, nó sẽ nhận làm.

Đây là ý thứ nhất: chữ “Lại” là từ có ý trịnh trọng, sắp muốn thủ ý lãnh Pháp thân địa, từ lâu đã biết căn cơ Đại tiểu (ba thừa, một thừa) mà thiết lập giáo hóa. Đây thuật lại ý Phật, cho nên gọi là “Lại”. “Ngày khác” (Tha nhật): hàng Nhị thừa tự cho rằng phương tiện là vì mình, không phải pháp Nhị thừa vì người khác, tức so sánh Pháp thân. “Ngày”(Nhật) là thời gian cũng là trí. Y thời pháp thân, dùng trí chiếu soi căn cơ, cho nên nói “ngày khác”. Nếu theo nghĩa này, thì Thật trí chiếu thật, gọi là “tự”, Quyền trí chiếu phương tiện, gọi là “tha”. Tề giáo lãnh: Lãnh hội ý hóa thân dụng sự làm “kỷ nhật”, không phải hóa thân dụng sự làm “tha nhật”. Nếu căn cứ đức Như Lai tự hành trí quyền thật, thì đều gọi là vì mình, Như Lai hóa tha chiếu soi quyền thật, đều gọi là vì người khác. Như Lai tự tha quyền thật chiếu, chiếu Thật

là vì mình, chiếu Quyền là vì người khác. Đây là dò xét lãnh ý thời pháp thân, dùng quyền trí hóa tha, chiếu quyền cơ hoặc có hoặc không, chiếu dụng Quyền sự hoặc có thể hoặc không thể, đều là Quyền trí sở chiếu, cho nên nói “tha nhật”. Nếu theo nghĩa này thì Tề giáo lãnh là lãnh Quyền sự hóa tha, cho nên hàng Nhị thừa gọi là “kỷ sự” (việc của mình). Dò xét lãnh, là lãnh Quyền của tự tha, Quyền này chẳng phải sự của nhị thừa, cho nên gọi là “tha sự”. Tuy có hai ý nhưng đều thành nghĩa “tha nhật”. Nay dựa theo chỗ lãnh hội của Nhị thừa như trên, lại theo văn nói: “tha nhật” để dò xét lãnh, lãnh ý trong pháp thân chiếu căn cơ. “Cửa sổ”: thiên kiến thì nhỏ, tiêu biểu Quyền trí chiếu căn cơ thiên lệch. “Xa”: tiểu cách đại rất xa, cho nên nói là “xa”. “Thấy con”: xưa từng gieo trồng Đại căn, gọi đó là “con”, vì định dùng Đại hóa độ cho nên nói là “thấy”. Cửa sổ hẹp, ở một bên nhà, nên chưa thích hợp Đại hóa, cho nên “thôi Đại mà dạy Tiểu”.

Từ “Gây yếu” trở xuống, là ý thứ hai: lãnh “biết tâm trước của các con thích đồ chơi nhỏ” bên trên. Vì tu nhân trí lực ít, gọi là “yếu”; tu nhân phước lực kém, gọi là “gây”. Trong thì sợ vô thường, gọi là “tiêu”, ngoài thì gặp tám khổ gọi là “tụ”. Tứ trụ là “phân đất”, vô tri là “bụi bặm”.

Từ “Ông liền cởi chuỗi anh lạc” trở xuống, là ý thứ ba: lãnh “biết tâm trước của các con nên tán thán ba xe hi hữu”. “Cởi y phục tốt đẹp”: dụ cho ẩn Báo thân vô lượng công đức. Bốn mươi hai địa, giới định tuệ, Đà-la-ni v.v.. là “chuỗi anh lạc”. Tịch diệt nhãn là “áo tốt mịn màng”. Tướng hải đại tiểu là “đồ trang sức”. Nếu dung mạo, trang phục đầy đủ thì làm con sợ hãi, hàng nhị thừa không thích hợp thấy tướng hảo này, cho nên nói “cởi”. “Lại mặc áo thô rách”: hiện hình một trượng sáu, là “thô”, Sinh nhãn Pháp nhãn là “rách”. “Đất bụi lấm thân”: hiện có phiền não hữu vi hữu lậu. “Tay phải cầm đồ đốt phân” trở xuống, chỉ trị pháp hữu lậu Kiến hoặc Tư hoặc, không luận đến trí tuệ thanh tịnh của các địa. “Tay trái” dụ Thật, “tay phải” dụ Quyền. Quyền dụng thuận tiện để tự dùng pháp này để đoạn kết thành Phật. Lại, dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. “Bộ dạng có vẻ e sợ”: thị hiện đồng sợ sinh tử. Lại, có quả báo gió lạnh, lúa ngựa.

“Bảo những người làm” trở xuống, là ý thứ tư: dụ thân cận dạy con cùng làm, tức là bảy khoa pháp môn trong đạo phẩm, để hiển bày “tướng dọn phân”, lãnh ý trên nói “tâm các con đều mạnh mẽ, xô đẩy lẫn nhau, cùng đua nhau ruổi chạy tranh ra khỏi nhà lửa”.

1. Dụ “bảo những người làm”: dụ Tứ niệm xứ là địa vị Ngoại

phàm.

2. “Các người phải siêng làm việc, chớ có lười nghỉ”: dụ Tứ chánh cần.

3. “Ôi! Gã nam tử này! Chớ bỏ đi nơi khác”: dụ Tứ như ý túc.

4. “Nên tự an tâm” trở xuống, gọi là dụ an ủi, dụ cho Ngũ căn.

5. “Vì sao?” Trở xuống, gọi là dụ không có năm lỗi, dụ cho Ngũ lực. Bốn câu trước đây là địa vị Nội phạm thứ hai.

6. “Tức thời Trưởng giả đặt tên cho cùng tử, gọi là con,” dụ Bát chánh đạo.

7. “Dù mừng việc tình cờ đó” trở xuống, gọi là dụ dạy thường làm tốt công việc dọn phân, dụ cho Thất giác. Hai câu cuối này là ngôi Thánh vị thứ ba.

- *Khoa thứ nhất*: “Bảo những người làm”, tức nói Tam tạng giáo dạy Tứ niệm xứ, là công cụ để dọn phân, đoạn trừ cảnh kết sử. Kinh Di Giáo nói: “Thường nương Niệm xứ mà hành đạo, thì có thể phá Tứ đảo”, lãnh ý “hợp sở nguyện mạnh mẽ” trong dụ Nhà lửa, tức là Văn tuệ.

- *Khoa thứ hai*: “Chớ có lười nghỉ” tức khiến siêng tu Tứ Niệm xứ. Nếu sinh lười nghỉ thì không thể diệt hai điều ác, không thể sinh hai điều thiện. Do hai việc siêng năng cho nên có thể phát sinh Noãn hỏa, xô đẩy lẫn nhau để ra khỏi nhà lửa là nhập Noãn vị Tu tuệ. “Dùng phương tiện đó nên đến được gần con”: là Niệm xứ chưa được lửa Lý làm ấm lòng, cũng như xa lạ bên ngoài, không thể thân cận phụ giúp. Do ban đầu được Noãn phương tiện, thì có thể thân cận phụ giúp.

- *Khoa thứ ba*: “Ôi! Gã nam tử này”: “Ôi” là tiếng kinh hãi, làm cho thức tỉnh, cũng là trách phạt. Trong Chánh cần trên thì động nhiều, tức là Trí pháp, như nam tử là dương tính. Như ý túc là Định pháp, như nữ nhân là âm tính. Bởi do Chánh cần tác động, nên không được cùng Chân đế tương ứng, cho nên kêu: “Ôi!” trách phạt nó, khiến xả tán nhập tính, cho nên kêu: “Ôi! gã nam tử này!”. “Người thường làm ở đây, chớ đi nơi khác”: Niệm xứ, Chánh cần mà động, không chuyên nhất, thì không gọi là “thường”. Trong Tứ như ý, định không là duyên, tư duy thì định, tư duy thì đoạn, định đoạn chuyên nhất, cho nên “thường”. Không động nhiều cho nên nói “chớ đi nơi khác”. Đây cũng trong ý “xô đẩy lẫn nhau”, tức là vị Đảnh pháp. “Ta sẽ trả thêm tiền công cho người”: là trong Noãn pháp ý quán không thể phát chân, trong Như ý quán năng phát vô lậu cho nên nói “thêm tiền công”. “Những đồ cần dùng”: là lậu, vô lậu thiện trợ đạo, chánh đạo đều từ Như ý quán mà cầu, muốn

cần tức được. Thể Tứ thiên bao hàm nơi tu hành, ví như “bồn chậu”. “Sinh không” thì thô ví như “gạo”. “Pháp không” thì tế ví như “bột”, đây tức là chánh đạo. Quán mười sáu hành tướng của Tứ đế để diệt trừ các kiến chấp. Vô thường ví như “muối”, khổ ví như “dấm”, đây tức trợ đạo. Như gạo bột khó ăn cần phải có muối dấm hòa vào, chánh đạo khó hiển bày, cần phải có trợ đạo trợ giúp. “Chớ tự nghi ngại”: là kết chánh đạo, trợ đạo bên trên. Thật rõ ràng trong quán Như ý, nên “chớ nghi”, và quyết định có thể làm tướng như vật của mình, cho nên nói: “chớ ngại”. “Cũng có kẻ tở già yếu”: Nếu muốn gánh vác mà dùng thần thông để thay thế tay chân, thì ví như “kẻ tở”. Trong quán Như ý cũng có thần thông này, nhưng thần thông còn yếu kém cho nên nói “già yếu”, tuy không là trai tráng mạnh nhưng cũng có khả năng vận động phục dịch. Lại, dùng chánh đạo cầu lý, chánh đạo yếu chưa có thể phát chân, muốn cần trợ đạo: cửu tướng (9 tướng), thập tướng, bát bối xả v.v... Trợ đạo ví như người đẩy tở, trong quán Như ý cũng có pháp này. Nếu đắc trợ trợ chánh, thì thành người cộng giải thoát.

- *Khoa thứ tư*: “Nên tự an tâm”: đắc ngũ căn an ổn kiên cố khó hoại. “Ta như cha người”: là Nhẫn giải gần giống như Chân nhưng chưa phải là Thật, cho nên nói “như cha” cũng là như con. “Chớ có sầu lo”: khiến cho ý nó yên tĩnh, phá hoại Kiến Tư hoặc.

- *Khoa thứ năm*: “Ta tuổi tác già lớn mà người thì trẻ mạnh”: Đức Phật an trú nơi đạo trọn đã đầy đủ Trí đức và Đoạn đức cho nên nói “già lớn”, người trong đạo ban đầu chưa có Trí Đoạn, cho nên gọi là “trẻ mạnh”, đây tức Nhẫn pháp vị. “Không có năm lỗi”: Đắc ngũ lực li năm pháp ác, đắc Tín lực cho nên “không dối”, Tinh tấn lực cho nên “không biếng trễ”, Niệm lực cho nên “không sân”, Định lực nên “không hận”, Tuệ lực nên “không nói lời thán oán”. “Như các người làm công khác”: Xa thì chỉ ngoại đạo các kiến cầu tìm lý gọi là “các người làm công khác”. Gần thì chỉ bốn vị: Noãn v.v... chưa tránh khỏi năm lỗi, cũng gọi là “các người làm công khác”. Văn đây không nêu “li năm pháp ác” tức đắc ngũ lực. “Từ nay về sau như con đẻ của ta”: hạ nhãn mười sáu sát na thời tiết còn dài, trung nhãn tuy lại thắng quán cũng chưa là một sát na, như thượng nhãn thế gian một sát na tâm cuối cùng bên cạnh Chân, gần giáp Thánh, cho nên gọi vị này là “như con đẻ của ta”, tức vị Thế đệ nhất pháp.

- *Khoa thứ sáu*: “Tức thời trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử, gọi nó là con”: Được Bát chánh đạo, nhập Kiến đạo, cùng đua nhau ruổi chạy, cho nên “gọi vị này như là con trẻ”. Thế đệ nhất pháp và Chân,

cách nhau không lâu, cho nên nói “tức thời”. Kinh A-hàm nói có năm loại con Phật: Tứ quả và Bích-chi-phật gọi là con thật của Phật. Bồ-tát không đoạn kết, nên nghĩa con chưa thành tựu.

- *Khoa thứ bảy*: “Khi ấy cùng tử dù mừng việc tình cờ đó” trở xuống, là dụ “thường làm tốt công việc dọn phân”. Ví như tuy là con, mà tư duy nó chưa thấu đáo, như còn ở Học vị chưa thoát khỏi nạn cho nên “trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân”. Cũng lại tự biết không có khả năng nối dõi Đại thừa, chính là y giáo tu hành hết khổ đó thôi! Cho nên nói: “vẫn còn tự cho mình là khách, là người làm công hèn”.

Nếu đắc sơ quả, thì nhàm chán Tiểu ưa thích Đại. Cơ duyên Đại thừa phát sinh, thì được trao cho Đại thừa. Lại, không cần tiến lên đoạn các kết sử còn sót lại. Chính do không xả Tiểu chí, nên Đại cơ không phát, vì thế tạm khiến nương giáo để tận trừ các lậu. Cho nên, nói “do đó mà trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân”. “Hai mươi năm”: Kiến đế một giải thoát một vô ngại, Tư duy thì chín giải thoát chín vô ngại, cho nên nói “hai mươi năm”. Lại, nói trong Kiến đạo và Tư đạo đoạn kết, gọi là “hai mươi năm”. Hoặc là nói ngũ hạ phần kết và ngũ thượng phần kết, là “hai mươi năm”. Lại, nói cũng như trong pháp nhị thừa đoạn Tư hoặc gọi là “hai mươi năm”. Lại nói nương tựa nhị nhân được sai khiến, cùng đoạn các kết còn lại, gọi là “hai mươi năm”. Từ khi có cơ duyên Nhị thừa đến khi cảm Phật thì gọi là: “Từ khi thấy con đến nay đã hai mươi năm”. Nếu trú trong địa vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là trong hai mươi năm thường làm việc nhà. Nói: “hai mươi” thấy đều có nguyên do. Chỉ một câu này tức là vị tranh ra khỏi nhà lửa tam giới.

“Qua đó về sau” trở xuống, là dụ lãnh giao phó gia nghiệp. Gần thì lãnh ý “đồng ban cho xe lớn” trong dụ Nhà lửa. Xa thì lãnh ý “Vô thượng đạo” trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai phần: Trước, Lãnh hội. Sau, Giao phó. Mỗi phần lại chia làm hai: cùng lãnh bốn ý trong dụ Nhà lửa đồng ban cho xe lớn, cũng là trong phẩm Phương tiện hiển thật bốn ý. Chương đầu có hai:

1. “Lòng dần thể tin (Tâm tướng thể tín)”, tức lãnh ý “thoát khỏi nạn” bên trên.

2. Ủy thác cho gia nghiệp, dần dần con đã thông thạo bình yên, thành tựu chí Đại thừa, tức lãnh ý “đòi xe” bên trên.

- Chương sau có hai:

1. Giao phó gia nghiệp, tức lãnh ý “đồng ban cho xe lớn”.

2. Được giao phó vui mừng, tức lãnh ý trên “được xe hoan hỷ”.

Do “tâm tướng thể tín” cho nên được ủy thác giữ lấy gia nghiệp, gia nghiệp đã thông thạo, đều đầy đủ tri kiến, thì thành tựu chí Đại thừa. Bởi ý chí thông thái, cho nên được giao phó gia nghiệp, được giao phó gia nghiệp cho nên hoan hỷ. Nguyên do có từ xa đến gần. Nếu trước không dạy làm thuê, trả công từng ngày, thì làm sao thể nghiệm được thực chất mà được ủy thác gia nghiệp giao phó tài sản? Nội hợp: do thời Tam tạng giáo thì đoạn kết, kham các việc đều nghe Đại giáo, đều thọ thời Tịnh danh phá chấp, chuyển giáo Bát-nhã, mà đạt được giao phó gia tài. Nên biết: “làm thuê nhận tiền công” tức là nguyên do xa, “thể nghiệm tin theo”, được giao phó gia nghiệp, tức là nguyên do gần.

Lại, trong thí dụ Dẫn dụ ở trước, có Tề giáo lãnh ý, bắt đầu là từ gốc cây Bồ-đề đến cuối cùng là ra khỏi nhà lửa. Lại, có Đồ xét lãnh, bắt đầu là từ pháp thân đến cuối cùng là suy nghĩ xong. Nay lãnh ý cũng có hai: Ban đầu dò xét lãnh ý từ bi bốn vị điều hòa thuận thực, cuối cùng lãnh giao phó gia tài một vị rốt ráo. Xa gần đầu cuối hợp luận năm vị. Nghĩa là gì?

1. Nhũ vị: Tức “sai người hầu cận”(bàng nhân).”Bàng nhân sở thuyết” chính là dụ cho giáo Hoa Nghiêm viên đốn, giáo này là tối sơ. “Bàng nhân” dụ cho “trâu” sở thuyết dụ cho “sữa”. Nội hợp: từ khi đức Phật xuất ra mười hai bộ kinh, tức vị ban đầu. Lại, lấy pháp ban đầu này dự định cho người Nhị thừa, nhưng họ không có cơ duyên nên không thọ nhận, mà “mê ngất ngã xuống đất”. Pháp ấy hoàn toàn nguyên chất như hương vị sữa tươi mới vắt chưa qua chế biến (Nhũ vị).

2. Lạc vị: nêu “ngâm sai khiến nhị nhân”(mật khiến nhị nhân) nói pháp dạn phân, đây là dụ cho “sau khi thôi hóa Đại thừa, Phật đến vườn Lộc uyển nói tam thừa”. Tiểu thừa liên tin, chuyển phàm thành thánh như chuyển “sữa” thành “lạc”. Nội hợp: từ mười hai bộ xuất Tu-đa-la, tức vị thứ hai.

3. Sinh tô vị: nêu “tâm tướng thể tín nhập xuất vô nan” là dụ sau thời Tam tạng thì thuyết kinh Phương Đẳng như kinh Tịnh Danh... tán dương Đại bất bẻ Tiểu, hàng Nhị thừa nghe Đại mà không hủy báng dẹp bỏ Tiểu, không thoái. Bởi đã trải qua thời Tam tạng đã đoạn kết sử, như được giá tiền công một ngày, cho nên kham nổi sự khen chê đó. Nếu chưa đoạn kết, thì không kham nghe tán dương Đại, như ở trước không thọ Khuyến môn, cũng không kham nghe bất bẻ Tiểu, như trước không thọ Giới môn. Nay không hủy báng không thoái lui, là vì “tâm tướng thể tín” vậy. Tự thân đã chứng Tiểu, thì tin Đại không hư dối,



được giá trị của Niết-bàn, vì thế nghiệm được cho nên bị bắt bẻ mà không sâu, tuy chẳng việc mình mà không nghi ngờ phỉ báng. Tâm này thuần thực, như từ Lạc làm ra Sinh tô. Nội hợp: từ Tu-đa-la xuất kinh Phương-đăng, là vị thứ ba.

4. Thực tô vị: nêu “Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết” trở xuống, là dụ Phương-đăng, “tâm tướng thể tín ra vào không ngại” về sau là giao phó giữ gia nghiệp, khiến cho kia lãnh giáo làm Đại Bồ-tát thuyết Ma-ha Bát-nhã, đã lãnh biết các vật, thông suốt tất cả pháp môn, tâm sáng, thuyết pháp hay, chỉ ân hận trụ Tiểu thừa chẳng phải phạm mình, nay bỗng mở kho ra hứa cho, lẽ nào không vui ư?! Do đó tâm dần dần thông thái, thành tựu Đại chí, giống như từ Sinh tô tạo ra Thực tô, là từ Phương-đăng xuất sinh Ma-ha Bát-nhã là vị thứ tư.

5. Đề hồ vị: nêu “Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến”: đây là dụ sau Bát-nhã, phân rõ thiên tánh, định cha con, hội tam qui nhất, giao phó gia tài, thọ ký thuyết giáo Pháp Hoa, khai tri kiến Phật, chỉ bày tướng chân thật, Bồ-tát nghi trừ, Thanh văn làm Phật đều dùng pháp Như Lai diệt độ mà mình diệt độ, như từ Thực tô làm ra Đề-hồ, là từ Ma-ha Bát-nhã xuất sinh Đại Niết-bàn, tức vị thứ năm.

Bốn đại đệ tử hiểu sâu ý Phật, lãnh sâu giáo một đời gồm năm vị, từ đầu đến cuối thứ lớp mà văn đã nêu ra đây. Lãnh gia nghiệp, văn chia làm hai:

1. Tương thể tín.
2. Ra lệnh lãnh gia nghiệp.
- Phần “Tương thể tín” lại có hai phần:
  1. Nêu thể tín.
  2. Còn ở bản vị.

Đây là phần đầu: Nêu thể tín. “Tương” là tin lẫn nhau, nghĩa là ở trong Tam tạng giáo được giá trị Niết-bàn, biết đây đã không hư dối, nay vì Bồ-tát thuyết Đại thừa, biết đây cũng lại chẳng hư dối, đây là con tin cha. Đức Phật biết các hàng đã đoạn Kiến Tư hoặc này, nghe ắt không hủy báng, hàng vô lậu lợi căn nghe, ắt sinh lòng tin, đây là cha tin con. Do đó thấy thân đặc tôn, nghe Đại thừa giáo, gọi là “vào”. Lại bị quở trách vì thấy thân trượng sáu thuyết pháp Tiểu thừa, gọi đây là “ra”. “Vào ra” Đại thừa Tiểu thừa mà “không nghi nan” là nghĩa đó vậy.

Phần hai: Còn ở bản vị. “Nhưng chỗ của cùng tử vẫn ở chỗ cũ”: Tuy ra vào không ngại, được nghe Đại thừa mà cho là việc của

Bồ-tát, chẳng phải phần trí của mình, không khẳng định hồi Tiểu hưởng Đại. Còn ở nơi La-hán, thì không nói đời vị lại sẽ được làm Phật, đây là lãnh giáo các kinh Đại tập, Tịnh Danh v.v... như vị Sinh tô.

Phần thứ hai: Ra lệnh lãnh gia nghiệp. Từ “Thế Tôn! Khi đó Trường giả có bệnh” trở xuống, là ủy thác giữ gia nghiệp, đây lãnh hội ý kinh Đại Phẩm, Phật bảo chuyển giáo Bát-nhã, giáo Thực tô. Đây chia làm hai chương: 1. Ra lệnh biết gia sự. 2. Nhận lệnh lãnh biết. Mỗi chương mỗi đều có bốn ý: Chương một có bốn ý: 1. Nêu thời tiết. 2. Chánh thức bảo cho biết gia sự. 3. Răn bảo khiến theo ý cha. 4) Ra lệnh không để sót mất.

- Ý thứ nhất: “không bao lâu sẽ chết”: có cơ duyên thì nên hiện hữu, là sống; cơ duyên hết thì nên từ tạ là chết, nay cơ duyên giáo hóa sắp xong, nên từ tạ “không bao lâu”.

Từ: “Nói với cùng tử rằng: Ta nay có nhiều” trở xuống là Ra lệnh biết gia sự. “Vàng” là lý Biệt giáo, “bạc” tức lý Thông giáo. Đại Phẩm nêu rõ chân đế không ngoài hai lý này, mà nói “có nhiều” tức xét theo lý thì chẳng phải nhiều, xét theo các loại pháp môn thì cũng được nói “nhiều”, ví như lý Không chẳng phải mười tám, căn cứ vào việc phá mười tám pháp mà gọi là mười tám Không. Trong Khuyến học nêu tất cả pháp môn đều là trân bảo. “Kho” là định môn, một trăm lẻ tám Tam-muội. “Đụn” là tuệ môn, mười tám cảnh không, Thông Biệt hai thứ “kho đụn” định tuệ gồm chứa tất cả thiên định trí tuệ không thiếu sót món nào. Trong đây ngoài dư tràn, cho nên nói “tràn đầy”. “Trong đó nhiều ít”: thuyết Bát-nhã thì có rộng lược hai môn. Bồ-tát hành Bát-nhã nên biết tướng lược rộng, lược thì “ít”, rộng thì “nhiều”. Tự hành là “giữ lấy”, hóa tha là “đem cho”. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Ông nên vì Bồ-tát mà thuyết”, cho nên nói: “Người phải biết hết”.

Từ “Lòng ta như thế” trở xuống, là Răn bảo khiến hiểu thấu tâm ta. Đức Phật dùng Bát-nhã làm tâm, ông nay nối tiếp đèn Pháp nên theo ý Phật mà thuyết. Lại, hàng Nhị thừa vốn hiểu là phân tích pháp không; bảo phải “thể theo ý đây”: là bảo khiến chuyển giáo dùng răn bảo khiến đồng thể pháp không của ta. Xưa thì được lệnh rằng: Sự nối tiếp đèn pháp giao cho người khác, nay mới biết Phật khiến ta biết cách thể nghiệm, nên nói: “nên thể theo ý ta”. “Nay ta cùng người bèn là không khác”: Giải thích đây có ba:

1. Được giao bị tốt nên nói cùng Phật không khác.
2. Theo lý, vì các pháp đều như, cho nên “không khác”, Thiện Cát như, Như Lai như, Nhất như, không có hai như, cho nên nói: “bèn

là không khác”.

3. Căn cứ thời nay, mới ngộ ra thiên tánh cha con xưa nay không khác, mà người Nhị thừa tự cho được gia bị là có khác đó thôi. “Nên gắng dụng tâm” trở xuống là lệnh “chớ để sót mất”. Ông vì Bồ-tát thuyết giáo Bát-nhã chớ để sót mất, đối với Nhị thừa thì đây tức pháp của ông sau sẽ dùng, vì vậy cho nên không để sót mất.

Từ “Liên nhận lời bảo” trở xuống, là chương thứ hai, cũng có bốn ý:

1. Nhận lệnh lãnh biết.

2. “Không mong cầu lấy”, Thiện Cát tuy nói Bát-nhã tự cho là ta không có phần đó.

3. Chưa bỏ tâm thấp kém, “vẫn còn ở chỗ cũ”: trú La-hán vị, tuy hâm mộ Đại cũng chưa định nói muốn làm Bồ-tát. “Chưa bỏ tâm thấp kém”: Tuy thẹn vì tâm Tiểu thừa cũng chưa quyết định nói bỏ chứng Tiểu thừa.

4. “Lại trải qua thời gian ngắn cha biết ý con” trở xuống, tức là lãnh ý dụ “đòi xe” bên trên. “Tự chê tâm ngày trước”: muốn cầu Đại đạo, tức là Đại cơ phát.

Hỏi: Thế nào gọi là thời gian ngắn?

Đáp: Có người nói thuyết Bát-nhã xong, ở nơi khác đạo xem, Tâm tư pháp môn Đại thừa đã lãnh thọ, sinh tâm vui thích, như thế là sót hay không sót? Tâm tư như thế tức là thời căn cơ Đại thừa phát, thời đó cách Pháp Hoa chưa lâu, cho nên nói là “thời gian ngắn”. Lại nữa, lúc đang thuyết Vô Lượng Nghĩa thì căn cơ Đại thừa phát, làm sao biết? Trong Vô Lượng Nghĩa nêu bảy thứ phương tiện, vô lượng tiệm đến từ một pháp sanh. Vì nghe đây thuyết, tư duy xưa Tam tạng Tam thừa đều từ một pháp sanh. Như thế Tam thừa nay cũng nên nhập vào nhất, tư duy như vậy dần dần đã thông thái tâm Đại thừa, liền phát, cho nên nói “thành tựu Đại chí”.

Từ “Đến giờ sắp chết” trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp, lại chia làm hai phần:

1. Giao phó gia nghiệp.

2. Hoan hỷ.

- Giao phó gia nghiệp có bốn ý:

1. Thời gian giao phó gia nghiệp.

2. Bảo con mời mọi người làm chứng.

3. Kết hội cha con.

4. Chánh giao phó gia nghiệp.

Ý thứ nhất: “Khi sắp chết” nêu thời tiết, hóa duyên sắp xong, ở núi Linh Thứu tám năm thuyết kinh Pháp Hoa, thời gian xướng nhập Niết-bàn.

Ý thứ hai: Từ “Gọi người con đến” trở xuống, là tập hợp mọi người, tức là đồ chúng được thọ hóa từ hai vạn ức Phật, gọi là con, người có căn cơ Đại thừa thuần thực khắp mười phương đều đến vân tập, mà trên nói là “bốn chung vây quanh” vậy. “Hội cả thân tộc”: Xưa nói phân thân Phật như “thân tộc”, Thập địa như “quốc vương”, Cửu địa như “đại thần”, Bát địa như “Sát-lợi”, Thất địa như “Cư sĩ”. Người ở phía Bắc dùng phân thân làm “thân tộc”, Đa Bảo làm “quốc vương”, Thập địa làm “đại thần”, Bát địa làm “Sát-lợi”, Tam thập tâm làm “cư sĩ”. Nếu vậy, lúc Tích môn thuyết pháp, thì Phật phân thân và Phật Đa Bảo đều chưa hiện tiền, sao được nói như vậy? Kia giải thích rằng: chính là lúc Thân-tử hoài nghi, ở trong Pháp Hoa chưa thể sinh lòng tin, vì vậy cho nên Đa Bảo phân thân nhất thời đến làm chứng. Nếu nghi trừ, tin hiểu thọ ký đã xong, thì dùng Đa bảo để làm chứng chỗ nào? Cho nên biết vào thời Pháp thuyết thì Phật Đa Bảo đã xuất hiện. Chỉ vì lời Kinh gia nói không để trùng lặp mà muốn cho thứ tự sắp xếp Nhân môn về sau đó thôi. Nay cho rằng đây là do lòng người, không nên lấy làm căn cứ. Vì thuyết Tích môn việc gần, chưa dùng đến xưa làm chứng. Nếu thuyết Bản môn việc xa, thì cần phải trước lấy xưa làm chứng. Nay không dùng giải thích kia, y Tát Vấn kinh v.v... Nay nêu Pháp thân Bồ-tát khắp mười phương, là chúng ảnh hưởng, làm “thân tộc”. Chúng ảnh hưởng, phần nhiều là đồng nghiệp đức Thích-ca ngày xưa, đều cùng Như Lai ở nơi hai vạn ức Phật cùng được khai hóa, đối với kia đều là chú bác cùng tu hành, cho nên dùng đây làm “thân tộc”. “Quốc vương”: hết thấy các kinh tiệp đốn, kinh nào cũng gọi nơi sở thuyết là Kinh vương. Vì lợi ích cho đương cơ nên hưng phế có thời, bộ bộ không đồng, gọi đó là “quốc”, đều nói Đệ nhất tức là “vương”. Lại, kinh này hội thông các giáo, đâu chẳng phải tụ tập quốc vương? Cho nên, trong lúc thuyết Vô Lượng Nghĩa trước đã thu tập. Kia nói: Ban đầu thuyết Tứ đế, Thập nhị duyên sinh, tiếp thuyết Phương đẳng Thập nhị bộ kinh, tiếp thuyết Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm Hải Không, đây tức tập hợp khắp các kinh, dung thông tiệp đốn, hội nhập Kinh điển này cho nên gọi là “hội cả quốc vương”. Các Đại Bồ-tát như Di-lặc... đều là Đẳng giác, làm “đại thần”, Sơ địa đến Cửu địa làm “Sát-lợi”, tam thập tâm sinh trong chủng tánh Pháp vương làm “cư sĩ”. Các hạng này đều theo đức Thích-ca thọ hóa.

Từ “Các ngài nên biết” trở xuống, là kết hợp cha con: thật theo ta thọ học thật “là con ta”, từ nơi ta mà khởi hiểu là “ta sinh ra”, Ta đã từng ở Pháp hội của hai vạn ức đức Phật, thường giáo hóa pháp Đại thừa cho nó, cho nên ta thật là cha. “Ngày trước trong thành nọ”: kinh này đối vẫn ở các nước phương Tây phần nhiều ít bỏ qua chi tiết này, hoặc có thể nêu tên riêng của cõi nước thời trước như nhân duyên Đại Thông Trí Thắng v.v... Nay giản lược danh tự, chỉ nói “thành nọ”. Chính vì chúng sinh trái với Đại thừa đây, khởi vô minh tối tăm, vào đường sinh tử, cho nên nói “bỏ ta trốn đi”. Trải qua đủ sáu đường, cho nên nói “hơn năm mươi năm”. “Xưa ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm”: từ xưa ở trong Pháp thân địa, thường dùng nhị trí quán tìm kiếm cơ duyên để hóa độ, bắt đầu ngày nay cảm ứng đạo giao, cho nên nói “bỗng ở nơi này gặp được nó”.

Từ “Nay ta có bao nhiêu” trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp: hết thấy vạn hạnh vạn đức Đại thừa, cho nên nói “tất cả của cải”. “Các thứ xuất ra nạp vào trước kia, là thứ mà con đã biết”: Tức nhớ lại ý chỉ ngày xưa đã lãnh giáo trong Đại phẩm. Cái được ủy thác có rộng có lược, như cộng Bát-nhã, bất cộng Bát-nhã. Là thứ mà ông đã biết, tức là ông có. Cho nên Pháp Hoa chỉ nêu tri kiến Phật, không còn rộng thuyết tất cả hành tướng.

Từ “Cùng tử nghe cha nói như vậy” trở xuống, tức là được giao phó hoan hỷ, lãnh hội ý trên nói “đều cưỡi xe lớn, được điều chưa từng có”. Tự xét mình vốn không có tâm mong cầu Phật đạo, mà nay bỗng nghe được thọ ký làm Phật, cho nên nói không cầu mà tự được. Trong thời Tam tạng thì tâm vốn không cầu. Trong thời Phương Đẳng thì thẹn Tiểu thừa tuyệt dứt hy vọng, cho nên không cầu. Trong thời Bát-nhã tuy lãnh nhận mà chẳng phải phần mình, cho nên không cầu. Như thế không cầu, mà nay tự được.

Từ “Thế Tôn! Ông trưởng giả đại phú đó” trở xuống, là phần Hợp thí. Theo ngài Quang Trạch thì hợp với Thí dụ trước hoặc sau, giải thích rất sơ lược. Nay chỉ nương văn điểm ý không nói lại quan hệ của con. Hợp thí lược, quý ở đạt ý, không cần phí lời. “Trưởng giả đại phú”: là hợp với Thí dụ cha con lạc nhau. Văn thí dụ chia làm bốn. Chỉ hợp thí dụ cha con mà tổng được ý khác. “Như Lai” hợp cha, “tương tự” hợp con. “Tương tự” có hai nghĩa:

1. Chọn Đại cơ làm con, xưa chưa bỏ trốn đã chẳng phải địa vị chân thật, mà còn ở ngoại phạm, cho nên nói “tương tự”.

2. Chọn Tiểu cơ làm con, bởi vì Tiểu cơ gần giống căn tánh Đại

thừa. Con đã trốn cha, đáng trách, nên nói “tương tự”.

Hỏi: Ban đầu giải thích phẩm này nói rằng “đã được nhập chân”, sao đây nói là “tương tự”?

Đáp: Hợp lúc con bỏ cha trốn, cho nên nói “tương tự”. Đầu phẩm nói “khi con khai ngộ”, ông hỏi sai rồi vậy.

Từ “Như Lai thường nói chúng con là con” trở xuống, là hợp ý cha con gặp nhau, chỉ hợp Trưởng giả thấy con liền biết. Từ “Chúng con vì ba món khổ” trở xuống, là hợp ý truy tìm dẫn dụ đem về. Trên có hai dẫn dụ sai người hầu đuổi theo, nay hợp cũng có hai. Trên ban đầu sai người hầu đuổi theo, tiếp lại lần nữa truy tìm, tiếp lại phóng xả, nay hợp hai môn và không có căn cơ. Sao gọi là thấy bất tự nghĩ không có tội? tức hợp không có Đại cơ. “Ưu Thích-các pháp Tiểu thừa”, là hợp có Tiểu chí, không hợp ý phóng xả. “Ngày nay đức Thế Tôn khiến chúng con” trở xuống, là hợp hai dẫn dụ. Bên trên có Tề giáo và Dò xét lãnh. Nay hợp hai ý. Từ “đẹp trừ” trở xuống, là hợp Tề giáo trình bày đầy đủ việc trên. “Chúng con ở trong đó siêng năng tinh tấn”: hợp “Theo lời dạy mà làm công việc dọn phân” bên trên. Từ “Được đến Niết-bàn” trở xuống, hợp ý trên “trước hỏi lấy giá tiền công”. “Nhưng đức Thế Tôn biết trước là chúng con” trở xuống, hợp Dò xét lãnh bên trên. Thí dụ trên có bốn, nay hợp ba, không hợp Chánh thức dạy làm, tức chỉ ý trên siêng năng dọn phân, bao gồm đủ ý, không hợp nữa. Trên nói “xa thấy con”, nay nói “biết trước”, trên nói “xấu xí tiêu tụy”, nay nói “tâm chấp trước vào cái ham muốn tệ xấu”, trên nói “liền cởi chuỗi anh lạc... lại mặc áo thô xấu”, nay nói “bị Phật buông bỏ không vì phân biệt rằng: Các ông..bửu tàng tri kiến Như Lai”. Từ “dùng sức phương tiện nói bày trí tuệ của Như Lai” trở xuống, là hợp thí dụ giao phó gia nghiệp, trên thì có nguyên do, có giao phó, nay hợp cũng có hai. Nguyên do có hai phần:

1. Tin nhau.
2. Ủy thác gia nghiệp.

- Nay hợp cũng có hai: Tin nhau có hai: trước hợp “thể tín” dùng phương tiện lực nói bày trí tuệ của Như Lai, Xưa nói: nhân trí tuệ Như Lai, đem làm quả nhĩ thừa. Nay nêu: mang phương tiện tam thừa, thuyết thật tướng Đại thừa, cho nên nói “dùng sức phương tiện... Phật vì chúng con mà thuyết pháp Đại thừa”, cũng là hợp “xuất nhập không nghi ngại”. Dùng sức phương tiện để xuất biện Nhị thừa, dùng trí lực Phật để nhập, rõ thật tướng. Nếu không “thể tín” thì làm sao mà “đối trước con nêu rõ trí tuệ Phật”. Từ “Chúng con theo Phật, được Niết-bàn giá một

ngày công” trở xuống, là hợp “vẫn còn ở chỗ cũ”.

“Chúng con lại nhân trí tuệ của Như Lai” trở xuống, là hợp lãnh gia nghiệp. Trên có ra lệnh và nhận lệnh. Nay chỉ hợp nhận. Nhận có bốn ý:

1. Nhận mệnh lệnh.
2. Không mong lấy.
3. Không bỏ tâm thấp kém.
4. Dẫn thông thái.

Nay chỉ hợp hai: ban đầu hợp nhận lệnh lãnh nghiệp. “Mà tự chính mình” trở xuống, là hợp không mong giữ lấy và được các sở hữu... “Không có chí nguyện”: nêu Phật thêm oai lực khiến như tâm Phật mà thuyết, cho nên nói “con không có chí nguyện”. “Vì sao vậy?”... là giải thích ý không mong cầu. Bởi Phật dùng sức phương tiện tùy tâm Tiểu thừa mà thuyết pháp, nên nói “không có phần”. Do đó “chúng con không tự biết thật là Phật tử”, cho nên không lấy. “Đức Phật dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp”: Phật dùng sức phương tiện đem pháp Thật tướng cho Nhị thừa, chúng con không biết ý “bất cộng” cho nên chẳng phải Phật tử. Từ “Ngày nay chúng con mới biết” trở xuống, là hợp giao phó gia nghiệp. Trên có hai ý: giao phó và hoan hỷ. Nay hợp cũng có hai. Trên giao phó gia nghiệp có bốn, nay thì hợp chung ý giao phó, có hai:

1. Nêu rõ Đức Phật vốn đối với Đại thừa không xén tiếc.
2. Giải thích nghĩa không xén tiếc.

Chính do ưa pháp Tiểu thừa, cho nên không thể sớm giao phó Đại thừa đó thôi! Trong kinh này, nêu việc nay để chứng minh việc xưa. Nay lý chỉ có Nhất thừa, cho nên biết Tam thừa xưa là chẳng phải thật, chỉ vì chưa kham nổi cho nên đối trước Đại thừa hủy báng Tiểu tâm, muốn cho bỏ ngụy chọn chân, nhất định “biết Phật không xén tiếc”, nhưng đức Phật thật dùng Đại thừa mà giáo hóa. Từ “Chúng con nói vốn không có tâm mong cầu” trở xuống, là hợp “hoan hỷ”, cũng là ý không mong cầu Tam thừa.

Kệ có tám mươi sáu hàng rưỡi. Bảy mươi ba hàng rưỡi đầu, tụng các phần trên. Mười ba hàng tiếp, tán thán ân sâu của Phật.

- Bảy mươi ba hàng rưỡi lại chia làm hai:

1. Hai hàng, tụng Pháp thuyết.
2. Bảy mươi một hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Trong tụng Pháp thuyết, không tụng ý không cầu, chỉ tụng ý tự được.



- Tụng Thí thuyết, Bảy mươi một hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Bốn mươi một hàng, tụng Khai thí .
2. Ba mươi hàng rưỡi, tụng Hợp thí .

- Phần Khai thí trên có bốn:

- a. Cha con thất lạc.
- b. Gặp nhau.
- c. Ủy thác gia nghiệp.
- d. Giao phó tài vật. Nay đều tụng.

- Mười ba hàng tụng Cha con thất lạc, thí dụ trên có bốn ý:

- 1) Con trốn cha.
- 2) Cha tìm con.
- 3) Con lần hồi trở về.

4) Cha nhớ con. Nay tụng cũng bốn ý nhưng không theo thứ tự,

như sau:

Một hàng rưỡi, tụng ý thứ nhất: con trốn cha đi. Bảy hàng, tụng ý thứ hai: cha tìm con không được. Hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ càng nặng. Hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba trước: con lần hồi trở về gần cha. Bốn ý này vẫn trên đều có hai:

Đây là tụng Khai thí. Từ “Thí như gã cùng tử” trở xuống, một hàng rưỡi chỉ tụng ý “con trốn cha đi”, không tụng ý “hưởng bản nước mà trở về”. Trong thí dụ Nhà lửa, nêu “trưởng giả sở hữu vương quốc áp tụ lạc” là nói rộng. Trong đây nêu cùng tử luân hồi trong ba cõi, gọi là “các nước”; sáu đường gọi là “hơn năm mươi năm”.

“Cha gã lòng buồn nhớ” trở xuống, bảy hàng, tụng “Cha tìm con không được”.

- Trên có hai ý. Nay tụng cũng có hai:

1. Nửa hàng, tụng ý tìm con không được.

2. “Kiếm tìm đó đã mệt” trở xuống, sáu hàng rưỡi, tụng ý không vì lạc một đứa con mà phớt bỏ việc gia nghiệp. “Tìm kiếm khắp bốn phương”: không giống bên trên, “bốn phương” bên trên là căn cứ Tứ đế suy tìm lý. Nay “bốn phương” là quán trong Tứ sinh, để tìm kiếm căn cơ đáng độ. “Tạo dựng nên nhà cửa”: là Hữu dư Niết-bàn trong quốc độ Hữu dư, xây nhà từ bi, ở nương nhà tánh Không. “Người lui tới rất đông”: là Bồ-tát các cõi qua lại nghe pháp.

“Mà tuổi đã già nua” trở xuống, hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ con càng nặng. Vẫn trên có hai, đây chỉ tụng ý “trước mắt con nên nay khổ”, không có ai để giao phó cho nên buồn!

“Bấy giờ gã cùng tử, đi tìm cầu ăn mặc” trở xuống, hai hàng rưỡi,

tụng ngược lên ý thứ ba: lần hồi hướng về gần cha. Văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

1. Hai hàng, tụng nguyên do gần cha, do cầu y thực.

2. “Dần dần đi trái qua” trở xuống, nửa hàng tụng chính đến gần thành của cha. Trong phần đầu “nguyên do gần cha” nói: “Áp này đến áp khác”: căn trần liên quan với nhau ví như “áp”, thập bát giới như “nước”. Tu hữu lậu thiện ví như “có được của”, tu nhị thừa thiện ví như “không được gì”, không được pháp thực Đại thừa nên bị “đói khát”, không dụng Đại lực nên “yếu”, không có Đại công đức nên “gầy”. Trên cái thiện Có, Không đó mà khởi Kiến, Tư, ví như “ghẻ lác”.

“Xoay vẫn làm thuê mượn” trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng ý thứ hai trong phần Khai thí: “cha con gặp nhau”. Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Sáu hàng rưỡi, tụng Con thấy cha.

2. Một hàng, tụng Cha thấy con.

- Trong phần con thấy cha, văn trên có bốn, nay tụng có ba:

1. Nửa hàng, tụng nguyên do thấy cha, do làm thuê làm mượn mà đến nhà cha.

2. “Lúc ấy ông trưởng giả” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba thấy tướng cha. Trên nêu chỗ thấy cha, chỗ ấy là bên cửa. Nay nói trưởng giả “đang ở trong nhà ông”, là gồm ý chỗ được nhìn thấy. “Giăng màn châu báu lớn v.v...”: chỗ mà thấy tướng cha, là “tòa sư tử”. Pháp thân là thầy là vua. Báo, Ứng thân là trưởng giả. “Biên chép ghi giấy tờ”(Chú ký khoán sớ), tức thọ ký nói rõ sự tu hành. Theo ý riêng: dùng quảng hiển lược là “chú”, trao quyết định gọi là “ký”. Tứ hoàng thệ nguyện là “khóan”, tu hành là “sớ”. “Gã cùng tử thấy cha” xuống ba hàng rưỡi, tụng ý thứ tư Sinh tâm sợ lánh. “Lúc bấy giờ trưởng giả” xuống một hàng tụng ý thứ hai: cha thấy con.

- Văn trên có bốn:

1. Chỗ thấy.

2. Thấy liền biết.

3. Thấy hoan hỷ.

4. Hợp với sở nguyện.

- Nay chỉ tụng hai:

1. Nửa hàng tụng chỗ thấy con.

2. “Xa trông thấy con mình” xuống nửa hàng, tụng thấy con liền biết.

Từ “Ông liền sai kẻ sứ, Đuổi theo bắt đem về” trở xuống, mười

hàng rưỡi, tụng phần “truy tìm dẫn dụ đem về” bên trên.

(1) Nay, ba hàng đầu, tụng sai người hầu đuổi theo. Trên “sai người hầu đuổi theo” vẫn có ba:

1. Gọi con không đến.
2. Gọi lại cũng không đến.
3. Thả ra.

Nay ba câu đầu, tụng ý lần đầu kêu, không có cơ duyên nên không đến. Tiếp “Mê ngất” một câu tụng lại kêu cũng không đến. Tiếp nữa “Người này theo bắt tôi” trở xuống, hai hàng tụng không có cơ duyên, tức trên giải thích ý buông bỏ.

(2) “Ông liền dùng phương tiện” trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng mật khiển nhị nhân dẫn dụ. Vẫn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng đầu tụng dụ thuê làm.
  2. Bốn hàng rưỡi tụng dụ dạy cho làm.
- Văn thuê làm bên trên có bốn:
1. Thiết lập phương tiện.
  2. Cầu liền được.
  3. Trình bày công việc.
  4. Chọn giá cả hốt phân.

Nay chỉ tụng hai: Hai hàng đầu, tụng ý thứ nhất “thiết lập phương tiện”. “Gã cùng tử nghe rồi” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư chọn giá cả hốt phân. Đây giải thích phần đầu thiết lập phương tiện, “mất chốt” là chấp thiên Không. “Thân lùn” là theo chiều dọc thì ngắn, không đến tận cùng nguồn thật tướng. “Xấu” là theo chiều ngang thì hẹp không có Ma-ha-diễn các Thiện để trang nghiêm. Không có Tứ vô úy gọi là “không oai”. Khác với thường lạc ngã tịnh, gọi là “không đức”. “Gã cùng tử nghe rồi” trở xuống, chọn giá cả, tức thanh tịnh phòng sáu nhà năm ấm. “Trường giả trong cửa sổ” trở xuống, bốn hàng rưỡi, tụng dụ “dạy cho làm” bên trên.

- Văn trên có bốn, nay cũng có bốn:

1. Nửa hàng, tụng “Trong cửa sổ”...
2. “Nghĩ con mình ngu dại” trở xuống, một hàng, tụng ý gây gò.
3. “Lúc đó ông trường giả” trở xuống, một hàng, tụng “cởi áo đẹp mặc áo thô rách”.
4. “Phương tiện lần gần gũi” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng chính dạy làm. Trên có bảy khoa pháp môn. “Bảo rằng” tức Tứ niệm xứ, “siêng làm tốt” tức Tứ chánh cần. “Đã thêm giá cho người” trở xuống, một hàng, tụng Tứ như y túc. “Dầu xoa chân”: có thể lợi nước sâu, ví

như thần thông. Lại, “dầu” có thể trừ bệnh phong tê, khiến định thì không loạn. “Đồ ăn uống đầy đủ”, tức gạo bột ở trên. “Thêm đệm chiếu dầy ấm” tức là quán luyện huân tu định, có thể trừ tán động. “Cận kẽ nói thế này, người nên siêng làm việc”: nửa hàng, tổng tụng pháp thứ tư “an ủi”, thứ năm “không có năm lỗi” bên trên. Cận lực đã thành mới có khả năng nhận lời cận kẽ. “Lại dùng lời dịu dàng”: nửa hàng, tổng tụng pháp thứ sáu “đặt tên” và thứ bảy “khiến thường làm” bên trên. Đều là con ta vậy.

Từ “Ông trưởng giả có trí” xuống, mười hàng, tụng ý thứ tư lãnh giao phó gia nghiệp trong phần Khai thí. Văn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng rưỡi, tụng nguyên do giao phó gia nghiệp.
2. Sáu hàng rưỡi, tụng chánh thức giao phó gia nghiệp.

Phần đầu nguyên do, văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

“Ông trưởng giả có trí” trở xuống, nửa hàng, tổng tụng “tâm tương thể tin”, tức nhập xuất.

“Trái qua hai mươi năm” trở xuống, ba hàng, tụng ủy thác lãnh gia nghiệp. Bên trên, ủy thác gia nghiệp có ra lệnh, có nhận lệnh, nay chỉ tụng ý nhận lệnh. Trên nhận lệnh có bốn, nay chỉ tụng ba:

1. Một hàng rưỡi, tụng ý nhận lệnh.
2. “Gã vẫn ở ngoài cửa” trở xuống, một hàng tụng ý còn ở chỗ cũ chưa bỏ tâm thấp kém.

3. “Cha biết tâm con mình” trở xuống, nửa hàng, tụng thông thái Đại chí cơ duyên Đại thừa khởi động. Đây giải thích phần đầu, “hai mươi năm” không được giống như trên. Trên trừ Kiến Tư hoặc, gọi là “hai mươi”, đây nêu làm việc nhà. Hoặc là nói chuyển Đại thừa giáo, dạy các Bồ-tát, đoạn Đại thừa Biệt hoặc Kiến Tư, gọi là “hai mươi năm”. Hoặc là nói thuyết Bát-nhã là thời gian dài, gồm hai mươi năm. Hoặc là nói trụ vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là hai mươi năm. Kinh Nhân Vương Bát-Nhã nói: “Hai mươi tám năm thuyết Ma-ha Bát-nhã”.

Từ “Muốn giao tài vật cho” trở xuống, sáu hàng rưỡi tụng giao phó gia nghiệp. Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Bốn hàng rưỡi đầu, tụng chính giao phó gia nghiệp.
2. Hai hàng tiếp, tụng được giao phó hoan hỷ.

- Trên chánh giao phó có bốn, nay chỉ tụng ba, không tụng thời tiết:

1. “Muốn giao tài vật cho” trở xuống một hàng, tụng ý thứ hai

trên: hợp thân tộc.

2. “Rồi ở trong đại chúng” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba bên trên: định thiên tánh cha con.

3. “Phàm của cải ta có” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư trên: chính giao phó cho.

“Người con nhớ xưa nghèo” trở xuống, hai hàng, tụng được giao phó hoan hỷ.

Từ “Đức Phật cũng như thế” trở xuống, ba mươi bài kệ rưỡi, tụng Hợp thí. “Đức Phật cũng như thế” hợp với ý thứ nhất: cha con thất lạc nhau. “Biết con ưa Tiểu thừa”: một câu, hợp với dụ cha con thấy nhau. “Nên chưa từng nói rằng” trở xuống hai câu, tụng hợp dụ thứ ba đui theo gọi lại. Trên hợp có hai:

1. Gọi lần nữa không đến.
2. Hợp ý phóng xả.

Nay tổng tụng ý kia! “Mà chỉ nói chúng con” trở xuống, một hàng, tụng hợp thí mật khiến nhị nhân dẫn dụ. Trên hợp với hai chương Tề giáo, Dò xét giáo. Nay một hàng này, chỉ tổng tụng ý kia. “Đức Phật bảo chúng con” trở xuống, hai mươi tám hàng rưỡi, tụng hợp thứ tư lãnh gia nghiệp. Trên hợp có hai: tin nhau và ủy phó gia nghiệp. Nay ban đầu mười tám hàng rưỡi, chỉ tụng hợp ủy thác gia nghiệp. Tiếp mười tám hàng, tụng hợp chính giao phó. Trên trong phần nhận lệnh chỉ có hai:

1. Nhận lệnh.
2. Không mong cầu lấy.

Nay một hàng đầu, tụng vâng lệnh lãnh biết, trên tụng không gì không biết, đạo tối thượng tức là Bát-nhã không. Lại không vượt qua ý trên. Tiếp đến mười bảy hàng rưỡi, chánh tụng vâng lệnh và không mong cầu. Không nơi nào không xả bỏ và thông thái. “Chúng con vâng lời Phật” trở xuống năm hàng, tụng vâng lệnh trên. “Phật tử nghe pháp được thọ ký”, là nêu chuyển giáo làm lợi tha. Lúc bấy giờ gọi là chuyển giáo giáo hóa Bồ-tát, không nói vì chúng con. “Như gã cùng tử kia” trở xuống, mười hai hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: không mong cầu, văn đây rộng hơn trên.

- Trong đó lại có hai:

1. Một hàng ghi ý hợp của thí dụ trước.

2. Từ “Chúng con đầu diễn nói” trở xuống, mười một hàng rưỡi, chính hợp ý không mong cầu.

- Phần này lại chia làm ba:

1. Hai hàng, chính tụng ý không mong cầu.

2. “Chúng con diệt bề trong” trở xuống, chín hàng rưỡi tụng đầy đủ Trí đức và Đoạn đức nên không mong cầu, lại chia làm ba: Nêu lên, Giải thích, và Tổng kết. Nêu lên lại chia làm hai:

a. Một hàng đầu, nêu Đoạn đức đầy đủ cho nên không mong cầu.

b. Từ “Chúng con dầu có nghe” trở xuống, một hàng, nêu Trí đức đầy đủ cho nên không mong cầu. Từ “Như thế là vì sao?” trở xuống, sáu hàng, giải thích hai chương Trí đức, Đoạn đức.

c. Từ “Chúng con dầu lại vì” trở xuống, một hàng rưỡi, tổng kết giải thích tự không mong cầu.

3. Từ “Đấng Đạo sư buông bỏ” trở xuống, một hàng, nêu đức Phật bỏ chúng con, hợp không mong cầu.

Từ “Như ông trưởng giả giàu” trở xuống, có mười hàng tụng chính giao phó gia nghiệp. Trên hợp có hai:

1. Chánh giao phó gia nghiệp.

2. Được giao phó hoan hỷ.

- Nay tụng cũng có hai:

1. Ba hàng, tụng chánh giao phó.

2. Bảy hàng, tụng được giao phó cho nên hoan hỷ. Trong ba hàng đầu, trên tổng hợp chính giao phó gia nghiệp, nay cũng tụng tụng, nhưng một hàng rưỡi đầu ghi chép hợp với dụ trước. Tiếp, một hàng rưỡi chính tụng hợp. Từ “Chúng con ngày hôm nay” trở xuống, bảy hàng được giao phó hoan hỷ. “Đắc đạo”: Đắc thật tướng đạo. “Đắc quả”: Phần đắc quả tập Đại thừa. Hai câu này nêu khai tri kiến Phật. “Ở nơi pháp vô lậu, đắc được nhãn thanh tịnh”: hai câu này nêu khai Phật kiến, thấy lý thật tướng. Ngày xưa thấy vô lậu, không rơi vào phàm phu. Ngày nay thấy vô lậu, không rơi vào nhị thừa. Ngày xưa tuệ nhãn thấy Không, nay tịnh nhãn thấy Trung đạo. Giữ gìn tịnh giới được quả báo. Xưa trì giới phạm hạnh cùng hiển vô lậu, khôi thân diệt trí, không có người thọ quả báo này. Ngày nay “phạm hạnh” năng đắc vô lậu, tức là nghĩa liễu nhân nhận lấy quả, “trì giới” tức nghĩa duyên nhân. Lý mà thấy được do nhãn thanh tịnh, tức nghĩa chánh nhân. “Chúng con ngày hôm nay mới thiệt là Thanh văn”: tức địa vị chân thật Đại thừa. Hàng thập tín dùng một âm biến vang khắp ba ngàn cõi, tương tự Đạo, không chân. Nhập Thập trụ, tức là chân. “Chân A-La-hán” có ba nghĩa trong đây chỉ nêu một nghĩa Ứng cúng. Nếu không sinh Biến dịch, sát Thông Biệt hoặc, thì không sinh nghĩa Sát tặc, có khả năng làm phước điền trong mười pháp giới tức nghĩa Ứng cúng. Ứng cúng Sát tặc xen nhau hiển bày.

---

Mười ba hàng kệ cuối tán thán ân sâu của đức Phật khó báo đáp, như văn. Theo ý riêng cho rằng: “Ân lớn của Thế Tôn” là:

1. Đức Phật ban đầu nêu từ bi, cứu khổ cho lục đạo chúng sinh, ban vui cho Tứ thánh, khắp mười pháp giới nhập trong Tứ hoàng thế nguyện, đây là ân ở nhà Như Lai.

2. Như Lai hành đạo Bồ-tát dạy bảo làm lợi ích vui vẻ, từng dạy Đại thừa cho chúng con, dù chúng con giữa chừng quên nhưng trí nguyện không mất, bởi nhà Như Lai mát mẻ ấm áp, tức ân đại từ ban vui.

3. Chúng sinh gặp khổ thân cận cha mà thôi, như con ghé con theo trâu mẹ đức Phật xem xét căn cơ để thích nghi, hành đủ lục độ làm lợi ích chúng sinh, bởi nhà Như Lai ngăn che lạnh nóng, là ân đại bi cứu khổ.

4. Đức Phật thành đạo rồi, lẽ ra thọ lạc vô vi tịch diệt, mà ẩn thần đức kia lại dùng pháp lạc nghèo nàn như ngũ giới thập thiện, như dùng nước lạnh dội vào mặt khiến chúng sinh được tỉnh ngộ. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì áo Phật ngăn nhiệt não do tham dục;

5. Thị hiện hình bóng Tỳ-kheo già, phương tiện gần gũi trả công thuê mượn từng ngày. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trừ bỏ “thấy lạnh ưa nóng”.

6. Qua đó về sau, “tâm tướng thể tín”, quả trách chê bai khiến thẹn Tiểu hâm mộ Đại, Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì ngăn che sự xấu xí thấp kém.

7. Ra lệnh lãnh gia nghiệp, vàng bạc đầy kho đều khiến biết hết. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trang nghiêm cho chúng con; 8. Hội tụ thân tộc quyết định cha con, giao phó dùng gia nghiệp, vô thượng tài bảo không cầu mà tự được. Đây là ân ngồi tòa Như Lai

9 & 10. Đã ngồi tòa rồi, thân ý thản nhiên, mau được an ổn, dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, tất cả hàng thiên nhân đều ở trong đó nên thọ sự cúng dường. Đây là ân được ngồi tòa Như Lai, bởi vì khiến cho chúng con đầy đủ Tự hành và Hóa tha. Ân lớn của Thế Tôn, hai vai cùng gánh vác cũng không thể báo đáp, là nghĩa đây vậy.

